SỞ Y TẾ TỈNH TIỀN GIANG **TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 532 /TB-KSBT V/v thông báo mời báo giá hiệu chuẩn, bảo trì, kiểm định trang thiết bị năm 2025.	*Tiền Giang, ngày 07 tháng 5 năm 2025*

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng.

Trước tiên, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị trong thời gian vừa qua.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang xin trân trọng gửi tới các đơn vị cung ứng dịch vụ sửa chữa với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Yêu cầu: báo giá "Hiệu chuẩn, bảo trì, kiểm định trang thiết bị năm 2025".

2. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang, số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: ***Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện***: Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang, số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. ***Nhận qua Email***: kehoachnghiepvu.ttksbttg@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **trước 08 giờ 00 phút ngày 16/5/2025.**

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày (tính từ ngày báo giá có hiệu lực).

6. Thông tin liên hệ nếu có thắc mắc: Ths Võ Thành Hòa (số điện thoại 0398235202), Ks Đỗ Thanh Phong (số điện thoại 0786851989).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Báo giá đã bao gồm thuế VAT và các khoản chi phí khác (nếu có).

2. Danh mục cần báo giá: *(phụ lục kèm theo)*. Lưu ý: báo giá theo từng Khoa/Phòng chuyên môn và ghi rõ các thiết bị có Mã TB (nếu có).

4. Thư báo giá có ghi rõ căn cứ công văn này, có chữ ký và đóng dấu từ đơn vị cung ứng, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ **"Báo giá Hiệu chuẩn, bảo trì, kiểm định trang thiết bị năm 2025".**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang rất mong nhận được phản hồi thông tin từ các đơn vị cung ứng dịch vụ sửa chữa.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng website, hoặc Cổng thông tin đấu thầu;
- Lưu: VT, TCKH.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH TIỀN GIANG

VÕ THANH NHƠN

PHỤ LỤC I

Danh mục thực hiện "Hiệu chuẩn, bảo trì, kiểm định trang thiết bị năm 2025"

(Đính kèm Công văn số 532/TB-KSBT ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang

STT	Tên Thiết bị	MÃ TB	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật (khoảng đo, vạch chia, độ chính xác)	Giới hạn thường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu thực hiện bảo trì/hiệu chuẩn năm 2025	
								Bảo trì/hiệu chuẩn/ kiểm định	Yêu cầu thực hiện
I- KHOA SKMT-YTTH									
1	Máy đo Clo dư và Clo tổng	DR300	Mỹ	± 2 nm		Cái	1	Hiệu chuẩn, Kiểm định	
II- KHOA PC HIV/AIDS									
1	Nhiệt kế thủy tinh	XNHIV.014	Việt Nam	Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C, Độ phân giải: 1^{0}C Nhúng sâu toàn phần	Nhiệt độ: 2 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
2	Nhiệt kế thủy tinh	XNHIV.015	Việt Nam	Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C, Độ phân giải: 1^{0}C Nhúng sâu toàn phần	Nhiệt độ: 2 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
3	Nhiệt kế thủy tinh	XNHIV. 016	Việt Nam	Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C, Độ phân giải: 1^{0}C Nhúng sâu toàn phần	Nhiệt độ: 2 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
4	Micropipette – Biohit 10 - 100µl	XNHIV. 038	Nhật	Thể tích đặt: 10 - 100µl Độ phân giải: 1µl	10 - 100µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
5	Micropipette – Biohit 10 - 100µl	XNHIV.039	Nhật	Thể tích đặt: 10 - 100µl Độ phân giải: 1µl	10 - 100µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
6	Tủ Đông Băng MDF (-20^{0}C)	XNHIV. 006	Nhật	Làm lạnh trực tiếp Chế độ rã đông thủ công Dải nhiệt độ điều khiển: -10°C tới -25°C Khả năng làm lạnh tối đa -25°C Hiển thị bằng đèn Nguồn điện:220-240V/50HZ Công suất: 90W		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
7	Pipette – Denville XL 3000i 100 - 1000µl	XNHIV. 044	Nhật	Thể tích đặt: 100 - 1000µl Độ phân giải: 2µl	100 - 1000µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

8	Pipette – Denville XL 3000i 20 - 200µl	XNHIV. 046	Nhật	Thể tích đặt: 20 - 200µl Độ phân giải: 0,2µl	20 - 200µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
9	Máy ly tâm 28 ống ROTOFIX 32A	XNHIV. 054	Đức	Dãy tốc độ: 500-4000r/min Độ phân giải: 100r/min	4000 vòng/phút	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra tốc độ vòng quay chuẩn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
10	Máy ly tâm 24 ống KUBOTA 2010	XNHIV. 002	Nhật	Dãy tốc độ: 500-4000r/min Độ phân giải: 100r/min	4000 vòng/phút	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra tốc độ vòng quay chuẩn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
11	Máy huyết học CELL DIFF-360	XNHIV. 026	Anh	Thông số: WBC. RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, PLT, LYM#, MXD#, NEUT#, LYM%, MXD%, NEUT%, RDW-CV, RDW-SD, PDW, MPV, P-LCR, PCT, P-LCC Phương pháp - biểu đồ hiển thị: 3 biểu đồ WBC. RBC, PLT -Nguyên lý đo: +WBC. RBC, PLT bằng trở kháng +HGB so màu với thuốc thử có Cyanua -Buồng đếm: WBC 100µm, RBC/PLT: 70 µm -Thể tích hút mẫu:+ 6uL đối với chạy mẫu toàn phần + 20uL đối với chạy máu pha loãng -Công suất đo : 60 mẫu/giờ -Màn hình: màn hình chạm 10.1 inch, độ phân giải: 1024x600		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	Kiểm tra độ chính xác Kiểm tra độ lặp lại Kiểm tra phương pháp đo và phát hiện Kiểm tra lượng mẫu Kiểm tra Chế độ vận hành Kiểm tra bộ hút mẫu Kiểm tra dải giá trị báo động - Vệ sinh, kiểm tra thiết bị: - Thực hiện rửa máy - Thực hiện mẫu đối chứng
12	Máy sinh hóa MONARCH-240	XNHIV. 025	Anh	Phạm vi đo cho các bước sóng -Bước sóng: 340nm, 380nm, 405nm, 480nm, 505nm, 546nm, 570nm, 600nm, 660nm, 700nm, 800nm. - Các phương pháp sinh hoá: Điểm cuối, động học, hai điểm, động học hai điểm. - Số lượng test thử trực tuyến: 58 vị trí thuốc thử cho các loại thử nghiệmcùng lúc. - Thời gian chu kỳ quay: 15 giây cho một vòng quay cuvette. - Kết nối: Trực tiếp, qua máy chủ. - Công suất: 240 thử nghiệm một giờ.		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	Kiểm tra độ chính xác Kiểm tra độ lặp lại Kiểm tra hệ thống quang Kiểm tra hệ thống ổn nhiệt Kiểm tra hệ thống chất lỏng Kiểm tra Cuvette Kiểm tra hệ Bàn phím, màn hình và máy in - Vệ sinh, kiểm tra thiết bị: - Thực hiện rửa máy - Thực hiện mẫu đối chứng
Tổng cộng: 12 danh mục									
III- KHOA BỆNH NGHỀ NGHIỆP									

1	Máy đo bụi	HD 1100	Mỹ	- Khoảng đo: 0.01 – 200 mg/m^3 - Kích thước hạt: 0.01 -50mm. - Độ chính xác: ± 0.02 mg/m^3 - Độ nhạy nhỏ hơn 0,01 mg/m^3	(0 - 8) mg/m^3	mg/m^3	1	Hiệu chuẩn	
2	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	HD 50 - Kimo	Pháp	- Nhiệt độ: + Đơn vị : °C, °F + Dải đo : -20 … +70°C + Độ chính xác : ±0.4% giá trị đọc (±0.3 °C) + Độ phân giải : 0.1 °C - Độ ẩm: + Đơn vị : %RH + Dải đo : 5 … 95%RH + Độ chính xác : ±1.8%HR (15°C ... 25°C), ±0.88%HR (dải đo khác) + Độ phân giải : 0.1%HR	- Nhiệt độ: ≤ 32 °C - Ẩm độ: ≤ 80%RH	- Nhiệt độ: °C - Ẩm độ: %RH	1	Hiệu chuẩn	
3	Máy đo ánh sáng	LX 50 - Kimo	Pháp	+ Đơn vị : lux, klux, fc + Dải đo : 0 đến 10000lux 0 đến 10klux 0 đến 929 fc + Độ chính xác : ±3% giá trị đọc (±3 lux) + Độ phân giải : - 0 đến 999.9 lux : 0.1 lux 1000 đến 10000 lux : 1 lux - 0 đến 0.9999 klux : 0.0001 klux 1 đến 10 klux : 0.001 klux - 0 đến 99.99 fc : 0.01 fc 100 đến 929 fc : 0.1 fc + Độ tuyến tính : <3%	<10.000	Lux	1	Hiệu chuẩn	

4	Máy đo điện từ trường	PCE MFM 3000	Anh	- Đo từ trường động (AC) + Dải đo Sector 1: 0 ... 300 mT / 0 ... 3000 G Sector 2: 0 ... 3000 mT / 0 ... 30000 G + Độ phân dải Sector 1: 0,01 mT / 0,1 G Sector 2: 0,1 mT / 1 G + Độ chính xác: ± 5 % + 20 digits + Tần số có thể đo lường: 50 Hz / 60 Hz - Đo từ trường tĩnh (DC) + Dải đo Sector 1: 0 ... 150 mT / 0 ... 1500 G Sector 2: 0 ... 1500 mT / 0 ... 15000 G + Độ phân dải Sector 1: 0,01 mT / 0,1 G Sector 2: 0,1 mT / 1 G + Độ chính xác: ± 5 % + 20 dígitos	- Điện trường: 0,1V/m - 30kV/m (nếu cao hơn càng tốt). - Từ trường: 0,1mA/m - 200A/m (nếu cao hơn càng tốt).	V/m A/m	1	Hiệu chuẩn	
5	Máy đo phóng xạ điện tử hiện số	Medcom Radalert 100	Mỹ	- Khoảng đo: mR/hr: .001-110 mR/hr µSv/hr: .01-1,100 CPS: 0-3,500 CPM: 0-350,000 CPM Total: 0-9,999,000 counts Timer: 0 ~ 40 giờ - Hiệu chuẩn: Cesium 137 (gama) - Độ nhạy: 1000 cpm/mR/hr (thử bằng Cs-137) - Độ chính xác: ± 10%; ± 15% max (chế độ đo µSv/hr hoặc mR/hr)	<20 mSv/năm	mSv/năm	1	Hiệu chuẩn	

6	Máy đo độ ồn	SDA-Kimo	Pháp	Tiêu chuẩn IEC 61672-1 Class 2 / IEC 60651 Class 2 / IEC 60804 Class 2 Các đơn vị đo LA, LAFmax, LAFmin, LASmax, LASmin Khoảng đo 30-130 dB Độ phân giải: 0,1 dB Mức quy chuẩn 94dB Độ nhạy định danh 20mV/Pa	Dải đo: 30-130 dB LA và LAeq Các thông số được hiển thị khác: LAFmax, LAFmin, LASmax, LASmin Trọng số tần số: A Độ phân giải: 0,1 dB	dBa	1	Hiệu chuẩn	
Tổng cộng: 06 danh mục									
IV- PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH									
1	Nhiệt kế thủy ngân				2-8 độ	Cái	22	Hiệu chuẩn	
2	Nhiệt kế - ẩm kế					Cái	3	Hiệu chuẩn	
V- PHÒNG KHÁM ĐA KHOA									
1	Nhiệt kế thủy ngân				2-8 độ	Cái	6	Hiệu chuẩn, Kiểm định	
VI- KHOA XN-CĐHA-TDCN									
A - BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM LÝ HÓA NƯỚC - THỰC PHẨM									
1	Máy phá mẫu COD	XN3.164TB	Đức	Phạm vi đo nhiệt độ: 370C đến 1650C Độ phân giải: 10C	150^0C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

2	Máy quang phổ hấp thu phân tử UV-Vis (Hitachi, Nhật, U – 2900)	XN3.181TB	Nhật	-Thang bước sóng : 190-1100 nm - Độ phân giải 0.1nm -Thang độ hấp thu : ±3 Abs -Độ phân giải 0.001 Abs		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	*Bảo trì : -Kiểm tra nguồn. kết nối thiết bị với nguồn -Kiểm tra cơ cấu hoạt động của hiển thị , phím bấm, các cổng kết nối. -Vệ sinh các giá đỡ, bệ đặt covert -Vệ sinh khoang đo -Vệ sinh cửa truyền quang -Vệ sinh khoang -Kiểm tra, vệ sinh các nguồn tạo nguồn sáng (halogen, D2) -Kiểm tra, vệ sinh song tản nhiệt, quạt tản nhiệt -Kiểm tra sau bảo trì độ chính xác bước sóng, độ chính xác hấp thu. *Hiệu chuẩn : -Kiểm tra độ chính xác bước sóng, -Kiểm tra độ chính xác hấp thu (Độ chính xác hấp thu vùng khả kiến, Độ chính xác hấp thu vùng vis). Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
3	Máy đo độ đục nước (2100N, TQ)	XN3.162TB	Trung Quốc	Phạm vi đo nhiệt độ: 0 đến 4000NTU Độ phân giải: 0,001 NTU		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác Đo điểm chuẩn < 0,1 NTU, đo tại điểm chuẩn 20 NTU, 200 NTU, 1000 NTU, 4000 NTU . Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
4	Cân phân tích Sartorius (4 số lẻ) (Quintix 224-1S)	XN3.085TB	Đức	Mức cân tối đa : 210 g . Bước nhảy : 0.0001g. Sai số cho phép: 0.0005 g		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ lặp lại, độ lệch tâm, các mức tải . Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
5	Cân phân tích Mettler –Toledo (3 số lẻ) (ME303)	XN3.033TB	Trung Quốc	Mức cân tối đa : 320 g . Bước nhảy : 0.001g. Sai số cho phép: 0.005 g		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ lặp lại, độ lệch tâm, các mức tải . Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

6	Hệ thống quang phổ hấp thu nguyên tử AAS (Analytik, Zeenit 700P)	XN3.179	Đức			Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	Vệ sinh hệ thống: Vệ sinh bộ phận hút mẫu cho ngọn lửa Vệ sinh buồng phun mẫu Vệ sinh đầu đốt Vệ sinh sensor nhận diện ngọn lửa Vệ sinh bình siphon Vệ sinh cửa sổ hệ thống quang Vệ sinh cửa sổ lò Vệ sinh sensor nhiệt độ Vệ sinh điện cực của lò Canh chỉnh hệ thống nếu cần thiết Thẩm định hệ thống theo tiêu chuẩn nhà sản xuất: Kiểm tra sensor khí, sensor ngọn lửa, sensor báo mực nước siphon Kiểm tra lỗi của lò graphite, bộ hóa hơi lạnh cho kỹ thuật Hydride, kiểm tra hệ thống ngọn lửa trên kỹ thuật Flame Kiểm tra độ chính xác bước sóng Kiểm tra độ lặp lại, độ thu hồi, độ tuyến tính, giới hạn phát hiện trên kỹ thuật Flame. Kiểm tra độ lặp lại, độ thu hồi, độ tuyến tính, giới hạn phát hiện với bộ hydride. Đơn vị hiệu chuẩn được chứng nhận ISO 17025 : 2017. Nhân viên hiệu chuẩn được đào tạo của hãng Analytik Jena và hệ Zeenit 700P.
7	Tủ lạnh chuyên dụng Sanyo (MPR-514)	XN3.157	Nhật	- Khoảng nhiệt độ : 2-140C -Độ phân giải : 10C	Nhiệt độ: 4 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ 4°C, 8°C Kiểm tra đặc trưng hoạt động (độ đồng đều , độ ổn định, biến động nhiệt độ tổng thể)
8	Tủ sấy Memmert 100-800	XN1.077	Đức	Phạm vi đo: 30 - 120^{0}C, Độ phân giải: 10^{0}C	105°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ 105oC. Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ. Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
9	Tủ ủ BOD	XN3.013	Anh	Phạm vi đo: 2 - 105^{0}C, Độ phân giải: 1^{0}C	20°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ 20oC. Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ. Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ. Đơn vịhiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
10	Máy lấy mẫu hơi khí độc	TS 000726	Mỹ	Dãi đo: 5-5000ml/phút Bộ lộc: tốc độ dòng (L/ phút) 1.0 - 2.5	2-4 L/phút	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra lưu lượng, thời gian

11	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	XN3.01TB	Hàn Quốc	Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C, 20 - 95%RH Độ phân giải: 0,1^{0}C, 1%RH	Nhiệt độ: 20 - 40^{0}C Độ ẩm: 30 - 80%	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ, độ ẩm. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
12	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	XN3.02TB	Hàn Quốc	- Phạm vi đo: -30 - 500C, 20 - 95% RH - Độ phân giải: 0,10C, 1%RH	Nhiệt độ: 20 - 40^{0}C Độ ẩm: 30 - 80%	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ, độ ẩm. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
13	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	XN3.04TB	Hàn Quốc	- Phạm vi đo: -30 - 500C, 20 - 95% RH - Độ phân giải: 0,10C, 1%RH	Nhiệt độ: 20 - 40^{0}C Độ ẩm: 30 - 80%	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ, độ ẩm. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
14	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	XN3.06TB	Anh	Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C, Độ phân giải: 1^{0}C Nhúng sâu toàn phần	Nhiệt độ: 4 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ 4°C, 8°C. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
15	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	XN3.07TB	Anh	Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C, Độ phân giải: 1^{0}C Nhúng sâu toàn phần	Nhiệt độ: 4 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ 4oC, 8oC. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
B. BỘ PHẬN VI SINH NƯỚC - THỰC PHẨM									
1	Tủ ấm Memmert INE 500	XN2.158	Đức	- Nhiệt độ cài đặt: nhiệt độ môi trường: +5 - 75°C - Độ chính xác cài đặt: 0.1^{o}C	37°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ - Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
2	Tủ ấm Jouan	XN2.055	Pháp	- Độ đồng đều nhiệt độ: ± 0.5^{o}C - Độ ổn định: ±0.5^{o}C - Độ lệch giới hạn: ±0.1^{o}C - Độ đúng của hiển thị: 1°C	44°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ - Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
3	Tủ ấm JSR (JSGI-100T)	XN2.068	Hàn Quốc	- Độ phân giải: 0.1^{o}C - Nhiệt độ cài đặt: nhiệt độ môi trường: +5 - 70°C	30°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ - Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
4	Tủ sấy binder	XN2.056	Đức	- Nhiệt độ cài đặt: 5-250°C - Độ phân giải: 5°C	180°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ - Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ

5	Tủ sấy binder	XN2.052	Đức	- Nhiệt độ cài đặt: 5-250°C - Độ phân giải: 5°C	180°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ - Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
6	Cân điện tử AND	XN2.066	Nhật	- Mức cân tối đa: 200g - Mức cân nhỏ nhất: 0.2g - Độ phân giải: 0.01g - Độ lặp lại: ± 0.01g	10 - 100g	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Độ lặp lại ở mức cân 50g, 100g, 200g - Kiểm tra tải trọng lệch tâm - Kiểm tra các mức tải. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
7	Cân điện tử Presica	XN1.153	Thụy Sĩ	- Tải trọng tối đa: 610g - Độ phân giải: 0,01g - Độ tuyến tính: 0,02g	100 - 300g	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Độ lặp lại ở mức cân 100g, 200g, 300g, 600g - Kiểm tra tải trọng lệch tâm - Kiểm tra các mức tải Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
8	Nồi hấp tiệt trùng APL (MC-40DP)	XN2.060	Nhật	- Nhiệt độ, áp suất cho phép: 127°C – 0,18MPa (1,8kg/cm^2)	121^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn - Kiểm định	- Kiểm tra nhiệt độ và thời gian tiệt trùng (121oC/15 phút) - Kiểm tra phân bố nhiệt độ - Kiểm tra khả năng tiệt trùng với chỉ thị hóa học và sinh học - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
9	Nồi hấp tiệt trùng APL (MC-40DP)	XN2.061	Nhật	- Nhiệt độ, áp suất cho phép: 127°C – 0,18MPa (1,8kg/cm^2)	121^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn - Kiểm định	- Kiểm tra nhiệt độ và thời gian tiệt trùng (121oC/15 phút) - Kiểm tra phân bố nhiệt độ - Kiểm tra khả năng tiệt trùng với chỉ thị hóa học và sinh học - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
10	Tủ an toàn sinh học Esco LA2-4A1	XN2.069	Indonesia	- Công suất đèn cực tím 30W - Đèn chiếu sáng có cường độ: 1190 Lux - Độ ồn: 60dB - Báo động bằng âm thanh và ánh sáng khi tốc độ dòng khí vượt hoặc dưới ngưỡng cho phép		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Kiểm tra bộ lọc HEPA. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
11	Tủ an toàn sinh học Esco (AC2-4E1)	XN2.194	Singapore	- Công suất đèn cực tím 30W - Đèn chiếu sáng có cường độ: 1190 Lux - Độ ồn: 60dB - Báo động bằng âm thanh và ánh sáng khi tốc độ dòng khí vượt hoặc dưới ngưỡng cho phép		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Kiểm tra bộ lọc HEPA. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

12	Tủ ấm Memmert IN 110	XN2.057	Đức	- Khoảng điểm nhiệt cài đặt: $20^0C – 80^0C$ - Điều chỉnh độ chính xác: 0.1 K - Độ chính xác: 0.1^0C	37°C	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ - Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
13	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân	XN2.02TB	GDR	- Phạm vi đo nhiệt độ: $-14,5^0C$ đến $102,5^0C$ - Độ phân giải: $0,5^0C$ - Nhúng sâu: 75mm	30^0C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
14	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	XN2.03TB		- Phạm vi đo nhiệt độ: -30^0C đến 50^0C - Độ phân giải: 1^0C - Nhúng sâu: toàn phần	$2 - 8^0C$	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
15	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	XN2.04TB		- Phạm vi đo nhiệt độ: -30^0C đến 50^0C - Độ phân giải: 1^0C - Nhúng sâu: toàn phần	$2 - 8^0C$	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
16	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	XN2.05TB		- Phạm vi đo nhiệt độ: -30^0C đến 50^0C - Độ phân giải: 1^0C - Nhúng sâu: toàn phần	$2 - 8^0C$	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
17	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	XN2.06TB	GDR	- Phạm vi đo nhiệt độ: -4^0C đến 35^0C - Độ phân giải: $0,1^0C$ - Nhúng sâu: toàn phần	14^0C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
18	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân	XN2.07TB	GDR	- Phạm vi đo nhiệt độ: 30^0C đến 60^0C - Độ phân giải: $0,1^0C$ - Nhúng sâu: 75mm	37^0C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
19	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân	XN2.08TB	GDR	- Phạm vi đo nhiệt độ: 15^0C đến 65^0C - Độ phân giải: $0,2^0C$ - Nhúng sâu: 75mm	44^0C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
20	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân	XN2.09TB	GDR	- Phạm vi đo nhiệt độ: 30^0C đến 60^0C - Độ phân giải: $0,1^0C$ - Nhúng sâu: 75mm	37^0C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
21	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	XN2.11TB	Hàn Quốc	- Phạm vi đo: -30 - 500C, 20 - 95% RH - Độ phân giải: 0,10C, 1%RH	- Nhiệt độ: 20 - 40^0C - Độ ẩm: 30 - 80%	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ, độ ẩm. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
C. BỘ PHẬN VI SINH - MIỄN DỊCH									

11	Micropipette (Hirschmann 0.5 - 10µl)	XN1.16TB	Đức	Thể tích đặt: 0,5 - 10µl Độ phân giải: 0,01µl	0,5 - 10µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
12	Micropipette (Hirschmann 10 - 100µl)	XN1.17TB	Đức	Thể tích đặt: 10 - 100µl Độ phân giải: 0,1µl	10 - 100µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
13	Micropipette (Hirschmann 20 - 200µl)	XN1.18TB	Đức	Thể tích đặt: 20 - 200µl Độ phân giải: 0,2µl	20 - 200µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
14	Micropipette (Hirschmann 100 - 1000µl)	XN1.19TB	Đức	Thể tích đặt: 100 - 1000µl Độ phân giải: 1µl	100 -1000µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
15	Micropipette (Biohit 100 - 1000µl)	XN1.27TB	Phần Lan	Thể tích đặt: 100 - 1000µl Độ phân giải: 5µl	100 -1000µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
16	Micropipette (Eppendorf 0.5 - 10µl)	XN1.32TB	Đức	Thể tích đặt: 0,5 - 10µl Độ phân giải: 0,01µl	0.5 - 10µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
17	Micropipette (Eppendorf 2 - 20µl)	XN1.33TB	Đức	Thể tích đặt: 10 - 100µl Độ phân giải: 0,02µl	10 - 100µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
18	Micropipette (Eppendorf 20 - 200µl)	XN1.34TB	Đức	Thể tích đặt: 20 - 200µl Độ phân giải: 0,2µl	20 - 200µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
19	Micropipette (Eppendorf 100 - 1000µl)	XN1.35TB	Đức	Thể tích đặt: 100 - 1000µl Độ phân giải: 1µl	100 -1000µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
20	Micropipette (Eppendorf 0.1 – 2.5µl)	XN1.36TB	Đức	Thể tích đặt: 100 - 1000µl Độ phân giải: 0,002µl	100 -1000µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
21	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (LA2-4A1 / Indonesia)	XN1.088	Indonesia	Tốc độ dòng khí xuống: 0.35 m/giây Hiệu suất lọc: tối thiểu 99.9995% với hạt có kích thước ≥0.3µm Độ ồn: <64 dBA (NSF49)Đèn chiếu sáng >900 lux (NSF49)		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Kiểm tra bộ lọc HEPA. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

1	Máy đo nhiệt kế, độ ẩm Thermo – Hygrometer *(DHT-1, DYS-Korea)*	XN1.025TB	Hàn Quốc	Phạm vi đo: -30 - 50 ^{0} 20 - 95%RH. Độ phân giải: 0,1^{0}C1%RH	Nhiệt độ:20 - 40^{0}C Độ ẩm:30 - 80%	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác, độ lặp lại nhiệt độ, độ ẩm. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
2	Máy đo nhiệt kế, độ ẩm Thermo – Hygrometer *(DHT-1, DYS-Korea)*	XN1.025TB	Hàn Quốc	Phạm vi đo: -30 - 50 ^{0} 20 - 95%RH. Độ phân giải: 0,1^{0}C1%RH	Nhiệt độ:20 - 40^{0}C Độ ẩm:30 - 80%	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác, độ lặp lại nhiệt độ, độ ẩm. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
3	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng -30^{0}C đến 50^{0}C (Thủy tinh – Nhúng 1 phần)	XN1.020TB		Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C Độ phân giải: 1^{0}C	2 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác, độ lặp lại nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
4	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng -25^{0}C đến 40^{0}C (Thủy tinh – Nhúng 1 phần)	XN1.021TB		Phạm vi đo: -25 - 40^{0}C Độ phân giải: 1^{0}C	2 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác, độ lặp lại nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
5	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng -25^{0}C đến 40^{0}C (Thủy tinh – Nhúng 1 phần)	XN1.022TB		Phạm vi đo: -25 - 40^{0}C Độ phân giải: 1^{0}C	2 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác, độ lặp lại nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
6	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng -30^{0}C đến 50^{0}C (Thủy tinh – Nhúng 1 phần)	XN1.023TB		Phạm vi đo: -30 - 50^{0}C Độ phân giải: 1^{0}C	2 - 8^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác, độ lặp lại nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
7	Micropipette (Biohit 0,5 - 10µl)	XN1.04TB	Phần Lan	Thể tích đặt: 0,5 - 10µl Độ phân giải: 0,1µl	0,5 - 10µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
8	Micropipette (Biohit 2 - 20µl)	XN1.05TB	Phần Lan	Thể tích đặt: 2 - 20µl Độ phân giải: 0,1µl	2 - 20µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
9	Micropipette (Biohit 10 - 100µl)	XN1.06TB	Phần Lan	Thể tích đặt: 10 - 100µl Độ phân giải: 0,1µl	10 - 100µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
10	Micropipette (Biohit 100 - 1000µl)	XN1.07TB	Phần Lan	Thể tích đặt: 100 - 1000µl Độ phân giải: 5µl	100 -1000µl	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác thể tích. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

22	Tủ an toàn sinh học cấp II Esco (AC2-4S1/ Esco/ Sing/ Indonesia)	XN1.142	Indonesia	Tốc độ dòng khí xuống: 0.30 m/giâyHiệu suất lọc: tối thiểu 99.999% với hạt có kích thước ≥0,3µmĐộ ồn: <65 dBA		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Kiểm tra bộ lọc HEPA. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
23	Tủ lạnh âm 35°C SANYO *(MDF-136, 08050066)*	XN1.101	Nhật	Phạm vi đo -18 - -40^{0}C Độ phân giải: 1^{0}C	-20^{0}C	Cái	1	HC	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
24	Tủ âm 86^{0}C PANASONIC *(MDF-U33V, Nhật)*	XN1.199	Nhật	Phạm vi đo -50 - -90^{0}C Độ phân giải: 1^{0}C	-80^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
25	Máy ly tâm EBA21 *(Hettich, Đức)*	XN1.175	Đức	Phạm vi đo: 18 000 vòng/ phút. Độ phân giải: 1 vòng/ phút		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra tốc độ vòng quay chuẩn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
26	Máy ly tâm lạnh ống nhỏ 0.2-2ml *(Mikro 200R/Hettich/Đức)*	XN1.138	Đức	Phạm vi đo: 14 000 vòng/ phút. Thang nhiệt độ 4 -40^{0}C		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra tốc độ vòng quay chuẩn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
27	Tủ lạnh lưu mẫu PHC Corporation *(Nhật, MPR-S313-PK)*	XN1.113	Nhật	Phạm vi đo: 2 - 14^{0}C Độ phân giải: 1^{0}C		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
28	Tủ lạnh sâu ARCTIKO (Đan Mạch, ULUF 450 2M)	XN1.114	Nhật	Phạm vi đo max -86^{0}C Độ phân giải: 0,1^{0}C	-80^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
29	Hệ thống ELISA Biorad	XN1.172		- Máy ủ - Máy rửa - Máy đọc: Thang bước sóng: 330-900nm, Độ phân giải bước sóng:1nm, Thang độ hấp thu: -3.000 đến 3.000Abs, Độ phân giải hấp thu 0.001Abs,Kính lọc ở các bước sóng: 415, 450, 490, 655, 595, 750, 405, 620		Bộ	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	Vệ sinh bên trong máy - Máy ủ: Kiểm tra độ chính xác, độ đồng đều nhiệt độ. - Máy rửa: Kiểm tra độ chính xác, độ đồng đều thể tích. - Máy đọc: Kiểm tra độ phân giải bước sóng, Kiểm tra thang độ hấp thu, Kiểm tra độ phân giải hấp thu, Kiểm tra kính lọc ở các bước sóng

30	Tủ an toàn sinh học cấp II Esco (LA2-4A1 / Indonesia)	XN1.089	Indonesia	Tốc độ dòng khí xuống: 0.35 m/giây Hiệu suất lọc: tối thiểu 99.9995% với hạt có kích thước ≥0.3µm Độ ồn: <64 dBA (NSF49)Đèn chiếu sáng >900 lux (NSF49)		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Kiểm tra bộ lọc HEPA. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
31	Tủ ấm JS RESEARCH *(JSGI-100T / Hàn Quốc)*	XN1.087	Hàn Quốc	Phạm vi đo max 5 - 70^{0}C Độ phân giải: 0,1^{0}C	37^{0}C	Cái	1	Hiệu chuẩn	- Kiểm tra độ chính xác nhiệt độ - Kiểm tra độ đồng đều nhiệt độ - Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
32	Tủ ATSH cấp II/B *(Esco-Singapore, AB2-4S1)*	XN1.111	Singapore	Tốc độ dòng khí xuống: 0.33 m/giây Hiệu suất lọc: tối thiểu 99.99% với hạt có kích thước ≥0,3µm Độ ồn: <59 dBA (NSF49) Đèn chiếu sáng >1000 lux		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
33	Máy sinh hóa bán tự động BTS 350 *(BTS 350, Anh)*	XN1.037	Anh	Phạm vi đo được: 0 - 3.5A cho tất cả các bước sóng. Bước sóng: 340, 405, 505, 535, 560, 600, 635, 670nm Thêm 3 vị trí dành cho các kính lọc tùy chọn Dải thông một nửa: 5nm ± 1nm Nguồn sáng: LEDs Các chế độ: 1 bước sóng, 2 bước sóng		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	Vệ sinh bên trong máy Kiểm tra độ chính xác Kiểm tra độ lặp lạiKiểm tra hệ thống quang Kiểm tra hệ thống ổn nhiệt Kiểm tra hệ thống chất lỏng Kiểm traCuvette Kiểm tra hệ Bàn phím, màn hình và máy in
34	Máy sinh hóa nước tiểu *(Siemens_Clinitek Status)*	XN1.171	Anh	Đo sự biến tính màu que thử. Phân tích 10 thông số Tốc độ kiểm tra 60 test/giờVận hành tự động		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra sự chính xác, độ lặp lại Kiểm tra tốc độ testKiểm tra vận hành
35	Máy ly tâm EBA21 *(Hettich, Đức)*	XN1.123	Đức	Phạm vi đo: 18 000 vòng/ phút. Độ phân giải: 1 vòng/ phút		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra tốc độ vòng quay chuẩn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
36	Máy ly tâm EBA21 *(Hettich, Đức)*	XN1.174	Đức	Phạm vi đo: 18 000 vòng/ phút. Độ phân giải: 1 vòng/ phút		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra tốc độ vòng quay chuẩn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

37	Máy ly tâm Hermle *(Đức, Z300, 47100098)*	XN1.177	Đức	Phạm vi đo: 13 500 vòng/ phút. Độ phân giải: 1 vòng/ phút		Cái	1	Hiệu chuẩn	Kiểm tra tốc độ vòng quay chuẩn. Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
38	Kính hiển vi Labomed	XN1.080	Mỹ	Đầu giữ thị kính: nghiên 30^0, xoay 360^0.Đầu giữ vật kính:Đầu giữ vật kính với 4 lỗ kết nối vật kinh.Vật kính: 4X, 10X, 40X, 100X, chống nấm móc.Nguồn sáng: S-LED W1		Cái	1	Bảo trì	Vệ sinh hệ quang Kiểm tra thân máy. Kiểm tra thị kính. Kiểm tra vật kính Kiểm tra nguồn sáng
39	Kính hiển vi quang học (Nikon Eclipse E100)	XN1.078	Nhật	Đầu giữ thị kính: nghiên 30^0, xoay 360^0.Đầu giữ vật kính:Đầu giữ vật kính với 4 lỗ kết nối vật kinh.Vật kính: 4X, 10X, 40X, 100X		Cái	1	Bảo trì	Vệ sinh hệ quang Kiểm tra thân máy. Kiểm tra thị kính. Kiểm tra vật kính Kiểm tra nguồn sáng
40	Máy huyết học 18 thông số NIHON KOHDEN (MEK-6420K)	XN1.170	Nhật	Thông số: WBC. RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, PLT, RDW, PCT, MPV, PDW, LY, LY%, MO, MO%, GR, GR%. Phương pháp đo và phát hiện – Đo hồng cầu : Phương pháp trở kháng điện – Hemoglobin: Phương pháp đo bề mặt – Hematocrit : Đo biểu đồ – Tiểu cầu : Đo biểu đồ – ân bố RBC : Đo biểu đồ – Dải phân bố tiểu cầu : Đo biểu đồ – 3 Thành phần bạch cầu : Đo biểu đồ Công suất: Khoảng 60giây/mẫu		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: vệ sinh bên trong máy * Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác Kiểm tra độ lặp lại Kiểm tra phương pháp đo và phát hiện Kiểm tra lượng mẫu Kiểm tra Chế độ vận hành Kiểm tra bộ hút mẫu Kiểm tra dải giá trị báo động
41	Buồng thao tác PCR *(SCR-2A1/ Esco/ Singapore)*	XN1.144	Singapore	Tốc độ dòng khí: 0.30 m/giâyĐộ ồn: <63 dBA Đèn chiếu sáng >800 luxCường độ UV: 253.7 nm		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Kiểm tra bộ lọc HEPA. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017
42	Tủ PCR *(Esco-Singapore,PCR-4A1)*	XN1.112	Singapore	Tốc độ dòng khí: 0.30 m/giây Độ ồn: <56 dBA Đèn chiếu sáng >975 luxCường độ UV: 253.7 nm		Cái	1	Hiệu chuẩn - Bảo trì	* Bảo trì: * Hiệu chuẩn: Kiểm tra hướng dòng khí. Đo tốc độ gió, kiểm tra độ cân bằng dòng khí. Đo cường độ ánh sáng làm việc. Kiểm tra đèn cực tím. Đo độ ồn. Kiểm tra bộ lọc HEPA. - Đơn vị hiệu chuẩn được công nhận ISO 17025 : 2017

PHỤ LỤC II

(Mẫu báo giá)

Báo giá "Hiệu chuẩn, bảo trì, kiểm định trang thiết bị năm 2025" Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Tiền Giang

(Kèm theo Công văn số: 532/TB-KSBT ngày 07/5/2025 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Tiền Giang)

Tên nhà thầu: Công ty .....
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại: .....
Email: .....
Ngày báo giá: .....
Hiệu lực của báo giá: .....

BẢNG BÁO GIÁ

1. **Công ty xin gửi tới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang thông tin các dịch vụ công ty có thể cung cấp như sau:**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên thiết bị	Mã TB *(nếu có)*	Đơn vị tính	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I – Khoa….							
1							
….							
II- Khoa….							
1							
….							
Tổng cộng:							
Số tiền bằng chữ:							

Ghi chú:

1. Mã TB là mã thiết bị theo phụ lục I, một số thiết bị công cụ dụng cụ không có Mã TB thì không cần ghi, quý đơn vị báo đúng tên khoa/phòng.

2. Đơn giá trên là giá đã bao gồm trọn gói các loại thuê, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Trung tâm. Gía trúng thầu ưu tiên tham khảo giá đã được công khai trên cổng thông tin của BYT

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]